

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ36,500
Tiềm năng tăng/giảm: 14.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	32,000
Mã Bloomberg	HDB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,200-33,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,420
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	111,842
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,250
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,495
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	612
Slg CP NN được mua (tr.đv)	4.40
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	17.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.4%
Tỷ lệ freefloat	71.4%
Cổ đông lớn	Sovico (12.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	697	861	1,057
Dư nợ cho vay (ntđ)	442	580	751
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	34.0	44.0	53.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	12.8	15.8	19.6
BVPS (đồng)	15,674	18,748	23,238
EPS (đồng)	3,652	4,509	5,066
DPS (đồng)	1,000	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	28.9	31.2	29.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	28.8	29.3	21.3
Tăng trưởng EPS (%)	25.9	23.5	12.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	27.4	11.1	9.87
ROAE (%)	25.8	25.0	24.1
ROAA (%)	1.96	2.03	2.04
Tỷ lệ NIM (%)	5.52	5.27	5.19
Tỷ lệ CIR (%)	35.2	29.6	29.3
Hệ số CAR (%)	14.0	13.3	12.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.93	2.47	2.15
LLR/nợ xấu (%)	68.7	47.9	55.5
Hệ số LDR (%)	101	105	108
P/B (lần)	2.04	1.71	1.38
P/E (lần)	8.76	7.10	6.32
Lợi suất cổ tức (%)	3.13	1.56	1.56

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HDB là một ngân hàng có sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận và giữa ngân hàng truyền thống và cho vay tiêu dùng

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q3/2025: Thấp hơn một chút so với dự báo do tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ NIM không đạt kỳ vọng

- HDB đã ghi nhận LNTT Q3 đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (tăng 5,4%), thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi do tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ NIM suy giảm.
- Tổng dư nợ tín dụng tăng 11,5% kể từ đầu năm nhưng giảm 3,3% so với quý trước do bán nợ cho Vikki. Tăng trưởng tín dụng giảm tốc cũng gây sức ép lên tỷ lệ NIM (giảm 135 điểm cơ bản so với cùng kỳ).
- Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,9% từ 2,54% trong Q2/2025 và 1,93% trong Q4/2024 nhưng nợ xấu mới hình thành đã giảm so với Q2/2025.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

HDB đã công bố KQKD Q3/2025 kém khả quan với LNTT đạt 4,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ nhờ tổng thu nhập hoạt động tăng 11,5% so với cùng kỳ (trong đó thu nhập lãi thuần đi ngang và thu nhập ngoài lãi tăng 130,2% so với cùng kỳ) và chi phí hoạt động giảm mạnh 15,7% so với cùng kỳ, bị bù trừ một phần do chi phí dự phòng tăng 109,8% so với cùng kỳ.

Cơ cấu lợi nhuận bao gồm: LNTT Ngân hàng mẹ đạt 4,3 nghìn tỷ đồng (tăng 3,3% so với cùng kỳ), trong khi HDSaison đóng góp 380 tỷ đồng (tăng 24,4% so với cùng kỳ). Lũy kế LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 14,8 nghìn tỷ đồng (tăng 17% so với cùng kỳ), hoàn thành 72% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi do tăng trưởng tín dụng & tỷ lệ NIM không đạt kỳ vọng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 & 9 tháng đầu năm 2025

(Tỷ đồng)	Q3/25	Hợp nhất		So với cùng kỳ	Q3/25	Ngân hàng mẹ		So với cùng kỳ
		So với cùng kỳ	9T25			So với cùng kỳ	9T25	
Thu nhập lãi thuần	7.763	0%	24.991	10%	6.305	-1%	20.707	11%
Thu nhập ngoài lãi	1.698	130%	5.215	174%	1.397	214%	4.344	342%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1.187	188%	3.252	227%	951	430%	2.554	732%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	343	177%	956	57%	370	163%	1.008	62%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	9	N/a	643	N/a	9	-83%	643	N/a
Thu nhập khác	158	5%	365	17%	67	-7%	139	112%
Tổng thu nhập HĐ	9.516	11%	30.357	24%	7.703	13%	25.051	28%
Chi phí HĐ	(2.488)	-16%	(7.795)	-8%	(1.829)	-23%	(5.902)	-12%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	7.029	26%	22.562	40%	5.874	31%	19.149	48%
Chi phí dự phòng	(2.294)	110%	(7.760)	122%	(1.574)	399%	(5.587)	364%
LNTT	4.735	5%	14.803	17%	4.299	3%	13.562	16%
Lợi nhuận thuần	3.799	7%	11.833	18%	3.439	5%	10.814	17%

Nguồn: HDB

Tín dụng tăng trưởng chậm lại do bán nợ và áp lực cạnh tranh

Tăng trưởng tín dụng giảm tốc trong quý. Tổng tín dụng tăng 11,5% so với đầu năm nhưng giảm 3,3% so với quý trước. Sau khi điều chỉnh cho các khoản vay bán cho Ngân hàng Vikki (39 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm; 10,4 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025), tăng trưởng tín dụng "hữu cơ" đạt 20,2% kể từ đầu năm nhưng vẫn giảm 1,2% so với quý trước.

Cơ cấu theo ngành, dư nợ tín dụng ngành BĐS (giảm 19,8% so với quý trước) và xây dựng (giảm 9,9% so với quý trước) ghi nhận mức giảm mạnh nhất, chủ yếu do hoạt động bán nợ và định hướng thận trọng của ban lãnh đạo trong việc giảm tỷ trọng cho vay đối với các ngành có mức rủi ro cao này. Trong khi đó, nhu cầu tín dụng từ các ngành còn lại vẫn ở mức thấp, dẫn đến cạnh tranh gay gắt hơn giữa các ngân hàng nhằm thu hút khách hàng đủ tiêu chuẩn.

Tăng trưởng vốn huy động nhìn chung phù hợp với tăng trưởng dư nợ tín dụng. Tiền gửi tăng 11,5% kể từ đầu năm và tổng vốn huy động (tiền gửi + giấy tờ có giá) tăng 8,4% kể từ đầu năm, đi ngang so với quý trước. Hệ số LDR điều chỉnh đạt 89%, nhìn chung ổn định so với mức 92% trong Q2/2025 và 87% trong Q4/2024. Hệ số LDR điều chỉnh của HDB thấp hơn bình quân các NHTM trong phạm vi phân tích (101%), cho thấy dư địa thanh khoản khá dồi dào dù dư nợ cho vay giảm nhẹ.

Tỷ lệ NIM thu hẹp do tăng trưởng tín dụng giảm tốc

Tỷ lệ NIM đạt 4,37%, giảm 144 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 135 điểm cơ bản so với cùng kỳ) do lợi suất tài sản giảm 157 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 139 điểm cơ bản so với cùng kỳ) chỉ được bù đắp một phần với chi phí huy động giảm 12 điểm cơ bản so với quý trước (tăng quý 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Lợi suất sụt giảm so với quý trước chủ yếu do "thu nhập lãi khác" giảm mạnh dù lợi suất cho vay cải thiện 21 điểm cơ bản so với quý trước. Thu nhập lãi khác thường bao gồm phí cam kết thu được khi cấp các khoản vay mới và có xu hướng tăng mạnh trong những quý tín dụng tăng trưởng nhanh. Do tín dụng tăng trưởng chậm lại trong Q3/2025, các loại phí này cũng sụt giảm và làm giảm lợi suất gộp.

Thu nhập ngoài lãi vượt trội

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 130,2% so với cùng kỳ, nhờ các dịch vụ thu phí & mảng kinh doanh nguồn vốn của HDB. Trong đó, lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 188,1% so với cùng kỳ và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 177,2% so với cùng kỳ, so với mức nền thấp trong Q3/2024. Mặc dù tốc độ tăng trưởng chậm lại so với nửa đầu năm 2025, kết quả này vẫn tích cực.

Chất lượng tài sản chịu sức ép mặc dù tốc độ suy giảm đã chậm lại so với quý trước

Chất lượng tài sản suy yếu so với quý trước và kể từ đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,9% từ 2,5% trong Q2/2025 và 1,9% trong Q4/2024, phản ánh cả quy mô tín dụng thu hẹp & tỷ lệ nợ xấu mới hình thành đạt 2,8% (theo năm) cao hơn tỷ lệ nợ được xử lý (1,8%). Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành Q3/2025 đã cải thiện từ mức 5.1% ghi nhận trong Q2/2025, nhưng vẫn cao hơn bình quân nhiều năm qua.

Chi phí dự phòng tăng mạnh 110% so với cùng kỳ nhưng giảm đáng kể so với quý trước, cho thấy chi phí này dần trở lại bình thường sau khi trích lập mạnh trong nửa đầu năm 2025. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 44% (từ 47% trong Q2/2025 và 69% trong Q4/2024), phản ánh việc cần thiết phải củng cố đệm dự phòng khi chất lượng tài sản vẫn được theo dõi chặt chẽ.

Đáng chú ý, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng mẹ đã tăng lên 2,72% từ 1,7% tại thời điểm cuối Q4/2024 và 2,36% tại thời điểm cuối Q2/2025, trong khi tỷ lệ nợ xấu của HDSaison vẫn ổn định ở mức khoảng 7,3% trong 4 quý vừa qua.

Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ

Chi phí hoạt động giảm 15,7% so với cùng kỳ (so với mức tăng bình quân khoảng 10% so với cùng kỳ của các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi), cho thấy hiệu suất hoạt động mạnh mẽ so với mức tăng trưởng 11.5% của tổng thu nhập hoạt động. Việc cắt giảm chi phí chủ yếu đến từ giảm 2,6% số lượng nhân viên.

HSC duy trì giá mục tiêu và khuyến nghị

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 hoàn thành 72% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi do tăng trưởng tín dụng và tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo, mặc dù thu nhập ngoài lãi vượt kỳ vọng. Bước sang Q4/2025, HSC kỳ vọng tăng trưởng tín dụng "hữu cơ" tăng tốc sẽ thúc đẩy "thu nhập lãi khác" và tỷ lệ NIM hồi phục, trong khi chi phí tín dụng, mặc dù vẫn ở mức cao, sẽ bắt đầu hạ nhiệt. Những yếu tố này củng cố quan điểm của chúng tôi về triển vọng lợi nhuận cả năm.

HDB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,39 lần – cao hơn khoảng 5% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, nhờ hệ số ROE cao hơn. HSC duy trì dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	52.6	58.0	71.1	88.3	109
Chi phí lãi	(30.5)	(27.1)	(34.7)	(43.7)	(54.0)
Thu nhập lãi thuần	22.2	30.9	36.4	44.6	54.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.19	1.42	4.09	5.19	6.11
Lãi thuần HĐ KDNH	0.56	0.84	1.10	1.32	1.59
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.21	0.14	1.00	0.70	0.70
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.07	0.20	0.24	0.29
Thu nhập khác	0.26	0.71	1.16	1.27	1.40
Tổng thu nhập HĐ	26.4	34.0	44.0	53.4	64.7
Chi phí HĐ	(9.13)	(12.0)	(13.0)	(15.6)	(18.9)
LN trước dự phòng	17.3	22.1	31.0	37.7	45.8
Chi phí dự phòng	(4.27)	(5.32)	(10.4)	(12.5)	(15.4)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	13.0	16.7	20.5	25.3	30.4
Chi phí thuế TNDN	(2.68)	(3.48)	(4.11)	(5.05)	(6.09)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.27)	(0.48)	(0.59)	(0.66)	(0.72)
Lợi nhuận thuần	10.1	12.8	15.8	19.6	23.6
EPS (đồng)	2,901	3,652	4,509	5,066	6,123
DPS (đồng)	1,000	1,000	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,471	3,495	3,513	3,859	3,859
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,471	3,477	3,859	3,859	3,859
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,026	4,031	4,060	4,060	4,060

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.81	3.11	5.51	6.95	8.75
Tiền gửi tại NHNN	41.5	26.7	27.7	34.9	44.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	96.5	102	109	115	120
Chứng khoán kinh doanh	18.6	22.0	24.2	26.6	29.2
Các công cụ tài chính phái sinh	0.11	0	0.04	0.04	0.05
Số dư cho vay thuần	339	437	574	742	961
Tổng dư nợ cho vay	343	442	580	751	972
Dự phòng rủi ro	(4.05)	(5.88)	(6.85)	(8.96)	(11.5)
Chứng khoán đầu tư	44.1	48.8	53.6	59.0	64.9
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.9	31.4	34.5	38.0	41.8
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.3	17.4	19.2	21.1	23.2
Dự phòng rủi ro	(0.08)	(0.09)	(0.10)	(0.11)	(0.12)
Đầu tư dài hạn	0.14	0.86	0.86	0.86	0.86
Tài sản cố định	1.42	1.77	1.87	1.96	2.07
Tài sản khác	57.8	56.0	64.1	70.3	77.1
Tổng tài sản	602	697	861	1,057	1,308
Nợ phải trả	556	641	786	965	1,190
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	112	99.5	117	131	147
Tổng tiền gửi KH	371	438	551	695	875
Trái phiếu và CCTG	50.9	81.3	94.5	113	140
Nợ khác	22.1	22.4	23.4	25.9	27.7
Vốn chủ sở hữu	44.5	54.5	72.4	89.7	115
Vốn điều lệ	29.1	35.1	38.6	38.6	38.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.54	0.54	0.75	0.75	0.75
Lợi nhuận giữ lại	10.6	13.0	24.5	39.0	60.9
Quỹ & vốn khác của CSH	4.71	6.31	8.57	11.4	14.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.93	2.17	2.41	2.71	3.09
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	602	697	861	1,057	1,308
BVPS (đồng)	12,811	15,674	18,748	23,238	29,786

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	44.7	15.8	23.4	22.8	23.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	30.1	28.9	31.2	29.4	29.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	71.8	18.0	26.0	26.0	26.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	62.2	23.0	24.5	25.1	25.8
Tăng trưởng VCSH (%)	20.3	22.5	32.8	23.9	28.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	23.2	39.1	18.1	22.5	22.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	5.78	31.2	8.61	20.2	20.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	29.6	27.6	40.5	21.7	21.5
Tăng trưởng LNTT (%)	26.8	28.5	22.8	23.0	20.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	30.0	26.7	24.1	23.4	20.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.19	5.24	5.65	5.56	5.47
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.79)	(1.84)	(1.67)	(1.63)	(1.60)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	84.9	85.9	88.7	89.6	90.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.52	1.84	2.26	2.61	3.02
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	28.5	34.6	41.8	50.9	60.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.0	8.76	7.10	6.32	5.23
P/B (lần)	2.50	2.04	1.71	1.38	1.07
Lợi suất cổ tức (%)	3.13	3.13	1.56	1.56	1.56

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.1	37.5	36.0	36.6	36.5
ROAA (%)	1.98	1.96	2.03	2.04	2.00
ROAE (%)	24.7	25.8	25.0	24.1	23.1
Chi phí huy động BQ (%)	6.79	4.71	5.02	5.13	5.14
Lợi suất góp BQ (%)	12.2	10.4	10.3	10.3	10.2
Lợi suất thuần (%)	5.38	5.67	5.27	5.14	5.02
Tỷ lệ NIM (%)	5.13	5.52	5.27	5.19	5.11
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.28	4.16	9.31	9.72	9.45
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	90.7	82.8	83.7	84.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	7.73	5.17	7.88	6.61	6.15
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	35.2	29.6	29.3	29.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.5	27.4	11.1	9.87	8.17

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.6	14.0	13.3	12.7	12.5
VCSH/Tổng TS (%)	7.38	7.81	8.41	8.48	8.79
Đòn bẩy vốn (lần)	13.5	12.8	11.9	11.8	11.4

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.79	1.93	2.47	2.15	2.13%
Hệ số LLR (%)	65.8	68.7	47.9	55.5	55.6%

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	92.6	101	105	108	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	21.0	16.1	15.3	14.0	12.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.0	63.5	67.4	71.0	74.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	353	369	379	384	389
Số lượng nhân viên	17,345	18,533	19,460	20,433	21,454

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn